

Bản án số: **51/2024/HSST**
Ngày: 15-5-2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TN, TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tấn Phát;

Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân tp TN, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát tp TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Hồng Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tp TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2024/HSST ngày 02 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Vũ Văn Đ, sinh năm 1981; tại tỉnh ND; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm 16, xã ĐS, huyện NT, tỉnh ND; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Vũ Văn C (đã chết) và con bà Trần Thị N, sinh năm 1952; anh chị em: có 01 người; vợ tên Huỳnh Tuyết N1 và 01 con.

Tiền án:

+ Bản án số: 16/HSST ngày 19-9-2002 của Tòa án nhân dân huyện NT, tỉnh ND áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 49 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 140, điểm g, khoản 1 Điều 48, khoản 1 Điều 49 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt 09 (Chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt cả hai tội là 27 tháng tù. Chấp hành án xong ngày 04-9-2004 (đã xóa án tích).

+ Bản án số: 04/2007/HSST ngày 07-02-2007 của Tòa án nhân dân huyện NT, tỉnh ND áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 2 Điều 49 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành án xong ngày 28-11-2009 (đã xóa án tích).

+ Bản án số: 42/2011/HSST ngày 14-4-2011 của Tòa án nhân dân tỉnh ND áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Chấp hành án xong ngày 22-10-2018 (đã xóa án tích).

+ Bản án số: 135/2022/HSST ngày 08-7-2022 của Tòa án nhân dân thành phố ND, tỉnh ND áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành án xong ngày 11-3-2023; chưa được xóa án tích.

+ Bản án số: 49/2022/HSST ngày 28-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh VP áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Đ chưa chấp hành bản án này.

Tiền sự: Không.

Bị cáo đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, bắt để tạm giữ ngày 07-12-2023, chuyển tạm giam từ ngày 13-12-2023 tại Nhà tạm giữ Công an tp TN, tỉnh TN đến nay; *có mặt*.

1. Bị hại anh Nguyễn Công T, sinh năm 1994; địa chỉ: Số nhà 348 đường Trần Hưng Đạo, khu phố 1, phường 1, tp TN, tỉnh TN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Em Nguyễn Thành L, sinh năm 2007.

Người đại diện theo pháp luật của bị hại em L: Bà Trần Thị Phương L1, sinh năm 1973; ông Nguyễn Thanh L2, sinh năm ; địa chỉ: Số nhà A20 đường Pasteur, khu phố M, phường N, tp TN, tỉnh TN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06-12-2023, Vũ Văn Đ điều khiển xe mô tô biển số 30N2-9304 đi từ Thành Phố Hồ Chí Minh đến thị trấn TB, huyện TB, tỉnh TN tìm chị Huỳnh Tuyết N1, sinh năm 1992 (Đ và chị N1 trước đây có sống chung với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn). Trên đường đi, Đ thấy biển số 52T4-8502 gần vừa thua mua phở liệu (không nhớ vị trí -cách ngã tư An Sương khoảng 20 km hướng đi về tp TN) Đ nhặt bỏ vào ba lô, tiếp tục điều khiển xe đến huyện TB, tỉnh TN nhưng không gặp được chị N1.

Khoảng 14 giờ 10 phút cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô đến nhà nghỉ “TC” thuộc địa phận ấp GT, xã BM, tp TN, tỉnh TN để thuê phòng nghỉ. Đ vào phòng lễ tân nhìn thấy em Nguyễn Thành L, sinh ngày 31-8-2007, ngụ nhà số A20 đường Pasteur, khu phố M, phường N, tp TN, tỉnh TN là nhân viên quản lý nhà nghỉ nằm ngủ trên võng, không có người trông coi tài sản nên nảy sinh ý định lấy trộm. Đ đến bàn lễ tân mở ngăn kéo để tiền lén lút mang ra ngoài lấy được số tiền 5.400.000 đồng cất vào túi quần rồi quay lại phòng tiếp tục tìm tài sản. Đ nhìn thấy trên bàn có 01 điện thoại di động hiệu Samsung galaxy S10 5G màu đen của anh Nguyễn Công T và 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi note 10 Pro 8GB màu đen của em L nên lấy bỏ vào túi quần rồi đi ra ngoài. Đ không bị camera và người khác phát hiện, Đ lấy khẩu trang che biển số xe lại rồi điều khiển xe đến nhà trọ “AV” thuộc khu phố 6, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh TN thuê phòng nghỉ, trên đường đi, Đ vứt bỏ nón bảo hộ màu trắng và 01 đôi dép quai kẹp màu xanh. Tại nhà trọ “AV” Đ thuê phòng trọ số 3 và yêu cầu chủ nhà trọ giao chìa khóa phòng cho mình cất giữ. Đ tháo biển số xe 30N2-9304 thay biển số 52T4-8502 để sử dụng.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, anh T kiểm tra định vị điện thoại phát hiện vị trí điện thoại của mình ở nhà trọ “AV” nên trình báo công an. Ngày 07-12-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tp TN phối hợp với Công an huyện TB, tỉnh TN kiểm tra trong phòng trọ số 3 nhà trọ “AV” phát hiện phía dưới valabo rửa tay có 01 điện thoại di động hiệu Samsung galaxy S10 5G và 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi note 10 Pro 8GB. Kiểm tra trong ví của Đ có số tiền 5.400.000 đồng.

Các vấn đề khác của vụ án:

Kết luận định giá tài sản số: 68/KL-HĐĐGTS ngày 08-12-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tp TN kết luận:

Tại thời điểm ngày 06-12-2023, 01 điện thoại di động hiệu Samsung galaxy S10 5G, màu đen trị giá 4.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi note 10 Pro 8GB, màu đen trị giá 3.500.000 đồng. Tổng trị giá 8.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay Vũ Văn Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Qua xác minh Vũ Văn Đ không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đối với tài sản đã mất trộm được thu hồi trả lại chủ sở hữu là anh Nguyễn Công T, em Nguyễn Thành L. Anh T, em L không yêu cầu gì thêm. Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 30N2 – 9304 là tài sản bị mất trộm trong vụ án khác, chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với tài sản do Đ mang theo gồm: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A23 màu đen, số IMEI 1: 354650134013212; số IMEI 2: 355740244013217 gắn sim số 0852489.828; 0984.993.947; 01 balo màu đen,

bên trong ba lô có: 01 áo thun cổ tròn dài tay màu đen đang lộn mặt trái; 01 quần jean dài màu xanh đen có gấu thắt lưng màu đen, quần đang lộn mặt trái; 01 gương chiếu hậu trái màu đen; 01 túi xách màu xanh rêu, bên trong có 01 cờ lê (khóa) số 10; 01 biển số xe 52T4-8502.

Cáo trạng số: 40/CT-VKSTPTN ngày 26-3-2024 của Viện kiểm sát nhân dân tp TN, tỉnh TN đã quyết định truy tố bị cáo Vũ Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Tại Tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN, tỉnh TN thực hành quyền công tố giữ nguyên Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Văn Đ phạm tội trộm cắp tài sản. Trong phần tranh luận, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ **khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52** của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì không có khả năng thi hành.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt với bản án số: 49/2022/HSST ngày 28-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh VP theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Ghi nhận anh Nguyễn Công T, em Nguyễn Thành L đã nhận lại tài sản là điện thoại di động và tiền, không yêu cầu gì thêm.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 30N2 – 9304 là tài sản bị mất trộm trong vụ án khác, giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tp TN, tỉnh TN chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung A23 màu đen, số IMEI 1: 354650134013212; số IMEI 2: 355740244013217 gắn sim số 0852489.828; 0984.993.947. Bị cáo không dùng vào việc phạm tội, trả lại bị cáo nhưng tiếp tục giữ để đảm bảo việc thi hành án;

Đối với 01 balo màu đen, bên trong ba lô có: 01 áo thun cổ tròn dài tay màu đen đang lộn mặt trái; 01 quần jean dài màu xanh đen có gấu thắt lưng màu đen, quần đang lộn mặt trái; 01 gương chiếu hậu trái màu đen; 01 túi xách màu xanh rêu, bên trong có 01 cờ lê (khóa) số 10; 01 biển số xe 52T4-8502 không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo Đ không có ý kiến tranh luận, bào chữa.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo Đ hối hận về hành vi của bị cáo gây ra xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án thấp nhất, về chăm sóc mẹ bị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tp TN; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tp TN; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng; phù hợp vật chứng vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Ngày 06-12-2023 Vũ Văn Đ trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Công T 01 điện thoại di động hiệu Samsung galaxy S10 5G màu đen và số tiền mặt 5.400.000 đồng; trộm 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi note 10 Pro 8GB của em Nguyễn Thành L, có giá 3.500.000 đồng. Tổng số tiền 13.400.000 đồng.

Tại Tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, với Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố cùng các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ nên đủ căn cứ kết luận bị cáo Vũ Văn Đ phạm tội trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét về tính chất vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[3.1] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo là người thành niên, đủ khả năng nhận thức về hành vi của mình, bị cáo biết việc trộm cắp tài sản thuộc sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do có tính tham lam, có sức khỏe nhưng lười lao động, muốn có tiền tiêu xài, bị cáo trộm tài sản của người khác nên cần được xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đ có nhiều tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Lần phạm tội này của Bị cáo Đ là tái phạm nên cần áp dụng điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Mẹ của bị cáo Đ có huy chương kháng chiến hạng nhì nên Hội đồng xét xử xem xét để bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN: Đề nghị áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Đ là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, có ý thức lao động và biết chấp hành pháp luật.

[3.4] Trước đó, bị cáo Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh VP xử phạt 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số: 49/2022/HSST ngày 28-7-2022. Bị cáo Đ chưa chấp hành bản án này. Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của nhiều bản án.

4] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Anh T, em L đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm nên ghi nhận.

Giao 01 xe mô tô biển kiểm soát 30N2-9304 cho; số khung: 87712; số máy 1387724 do ông Đào Văn T đứng tên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tp TN, tỉnh TN chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với tài sản do Đ mang theo gồm:

- Trả 01 điện thoại di động hiệu Samsung A23 màu đen, số IMEI 1: 354650134013212; số IMEI 2: 355740244013217 gắn sim số 0852489.828; 0984.993.947 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- 01 balo màu đen, bên trong ba lô có: 01 áo thun cổ tròn dài tay màu đen đang lộn mặt trái; 01 quần jean dài màu xanh đen có gắn thắt lưng màu đen, quần đang lộn mặt trái; 01 gương chiếu hậu trái màu đen; 01 túi xách màu xanh rêu, bên trong có 01 cò lê (khóa) số 10; 01 biển số xe 52T4-8502. Tại phiên tòa, bị cáo không yêu cầu nhận lại vì không còn giá trị sử dụng. Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

[6] Trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN: Đề nghị áp dụng điều luật, xác định tội danh, hình phạt là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Bị cáo Đ phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn Đ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt với Bản án số: 49/2022/HSST ngày 28-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh VP áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Buộc bị cáo Vũ Văn Đ phải chấp hành 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-12-2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận anh Nguyễn Công T, em Nguyễn Thành L đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm.

3. Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả 01 điện thoại di động hiệu Samsung A23 màu đen, số IMEI 1: 354650134013212; số IMEI 2: 355740244013217 gắn sim số 0852489.828; 0984.993.947 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy: - 01 balo màu đen, bên trong ba lô có: 01 áo thun cổ tròn dài tay màu đen đang lộn mặt trái; 01 quần jean dài màu xanh đen có gắn thắt lưng màu đen, quần đang lộn mặt trái; 01 gương chiếu hậu trái màu đen; 01 túi xách màu xanh rêu, bên trong có 01 cờ lê (khóa) số 10; 01 biển số xe 52T4-8502.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Vũ Văn Đ phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Những người tham gia tố tụng có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người tham gia tố tụng vắng mặt được quyền kháng cáo lên

Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- VKSND tp Tây Ninh;
- Chi cục THADS tp Tây Ninh;
- Công an tp Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Trọng Nghĩa